

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 9 - 2022
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Na Q, sinh năm 1981; địa chỉ ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch Chan T, sinh năm 1983; địa chỉ ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q trình bày: Vào năm 2005 do mai mối nên chị và anh Thạch Chan T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú vào ngày 20/7/2011 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên chồng tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, do anh

Chan T không lo làm ăn, chỉ thích nhậu nhẹt say xỉn cùng bạn bè, về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị nhiều lần. Do không chịu đựng được nên chị đã đưa con trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh Chan T từ năm 2018 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Chan T; về con chung có 02 người tên Thạch Chan Vi R, sinh ngày 10/11/2005 và Thạch Chan Qui Tr, sinh ngày 13/01/2013. Hiện hay 02 người con đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Thạch Chan T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Thạch Chan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị Thạch Thị Na Q và anh Thạch Chan T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc chị Thạch Thị Na Q yêu cầu ly hôn với anh Thạch Chan T và yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Thạch Chan Vi R, sinh ngày 10/11/2005 và Thạch Chan Qui Tr, sinh ngày 13/01/2013 là có căn cứ; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q.

+ Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Na Q được ly hôn với anh Thạch Chan T.

+ Về con chung: Giao cháu Thạch Chan Vi R, sinh ngày 10/11/2005 và Thạch Chan Qui Tr, sinh ngày 13/01/2013 cho chị Thạch Thị Na Q được tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi R và Qui Tr. Anh Thạch Chan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị Na Q yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Chan T và yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Thạch Chan T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q và bị đơn anh Thạch Chan T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Na Q và anh Thạch Chan T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/02/2008 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Na Q và anh Chan T là hợp pháp. Thời gian đầu anh, chị chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2014 thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn, cự cãi mất niềm tin lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Phía chị Na Q cho rằng tình trạng vợ chồng giữa chị và anh Chan T đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt; phía anh Chan T mặc dù đã được Tòa án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án nhưng anh Chan T không có ý kiến phản hồi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị Na Q, cũng như đã được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Chan T đều vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Chan T cũng không mong muốn hàn gắn lại với chị Na Q. Căn cứ lời trình bày của chị Na Q, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Thạch Thị Na Q và anh Thạch Chan T đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Thạch Thị Na Q yêu cầu cầu ly hôn với anh Thạch Chan T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Thạch Thị Na Q và anh Thạch Chan T có 02 người con chung tên Thạch Chan Vi R, sinh ngày 10/11/2005 và Thạch Chan Qui Tr, sinh ngày 13/01/2013. Thấy rằng, hiện nay cháu Thạch Chan Vi R và cháu Thạch Chan Qui Tr đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Thạch Thị Na Q nên giao cho chị Thạch Thị Na Q được nuôi dưỡng là phù hợp

với nguyện vọng của hai cháu; phía chị Na Q không yêu cầu anh Chan T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Na Q xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Na Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Na Q được ly hôn với anh Thạch Chan T.

+ Về con chung: Giao cháu Thạch Chan Vi R, sinh ngày 10/11/2005 và Thạch Chan Qui Tr, sinh ngày 13/01/2013 cho chị Thạch Thị Na Q được tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch Chan Vi Rite và cháu Thạch Chan Qui Tra. Anh Thạch Chan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Na Q xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Na Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thạch Thị Na Q đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009617 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Thạch Thị Na Q không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuônê

